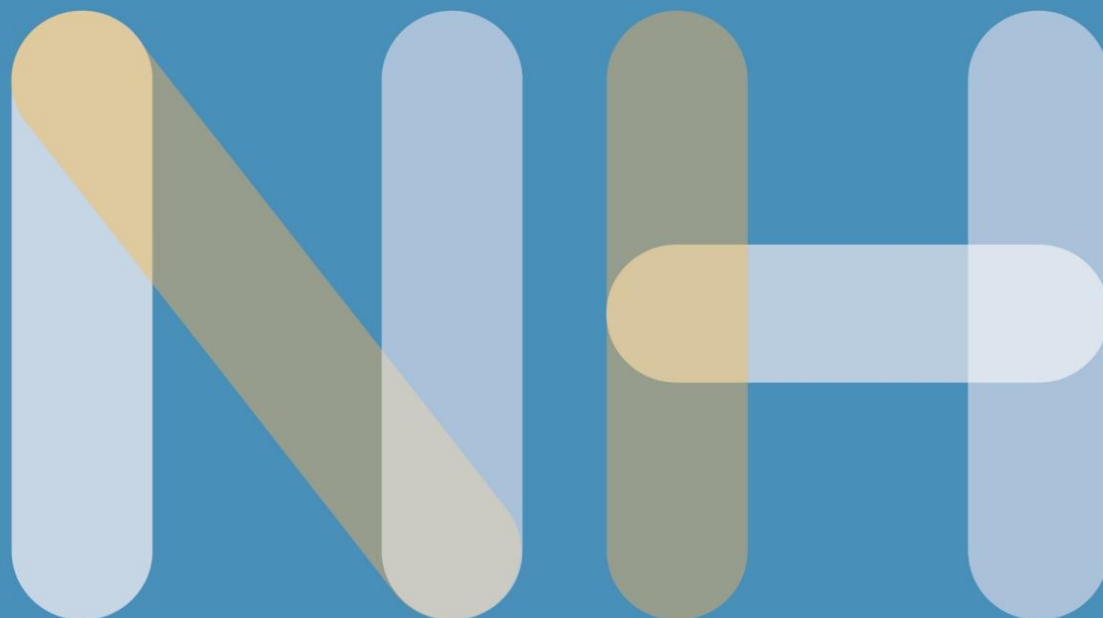


BẢN TIN HÀNG NGÀY

15 tháng 7 năm 2026



Khối ngoại bán ròng 1,000 tỷ, Vn-Index giảm 24.5 điểm

- Vn-Index giảm mạnh ngay từ đầu ngày, sau đó duy trì ở vùng giảm mạnh trong suốt quãng thời gian còn lại, và đóng cửa giảm 24.5 điểm
- Số mã giảm gấp 3.3 lần số mã tăng, độ rộng nghiêng hoàn toàn về xu hướng giảm
- Hầu hết các nhóm ngành đều giảm khá mạnh, trong đó mạnh nhất là nhóm chứng khoán và dầu khí
- PNJ quay lại giảm sàn sau phiên tăng trần hôm qua
- Giá trị giao dịch khớp lệnh trên sàn HOSE tăng 5.7% so với ngày trước đó.

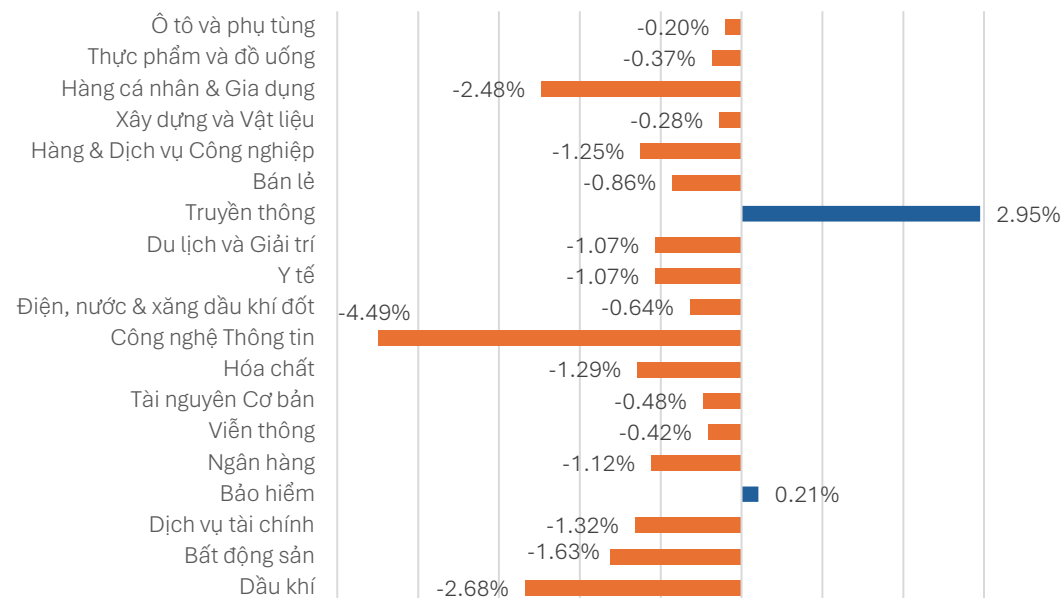


	HOSE	HNX	UPCOM
Đóng cửa	1,782.1	291.1	126.5
(+/-)	-24.51	-6.27	0.45
(%)	-1.36%	-2.11%	0.36%
Khối lượng giao dịch (Triệu cp)	607	57	19
Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	15,469	922	267
Giao dịch khối ngoại (Tỷ VND)	(980)	(4)	(7)
Số mã tăng	70	37	93
Số mã giảm	240	91	109
Số mã giá không đổi	47	52	69

1.

Nhận định thị trường

- Sau phiên hồi phục rất tích cực hôm qua, và mở cửa với thông tin cũng rất tích cực về lạm phát tại Mỹ, quả thật phiên giảm mạnh hôm nay là rất bất ngờ
- Lý do có lẽ vì khối ngoại đã bán ròng quá mạnh tới khoảng 1,000 tỷ, đặc biệt trong bối cảnh thanh khoản thị trường còn yếu.
- Rất nhiều mã đã vỡ sâu khỏi hỗ trợ như SHS SSI VCI
- Có lẽ vẫn chờ đợi phản ứng của VN-Index tại vùng 1,780 điểm – hỗ trợ cuối. Nếu Vn-Index tiếp tục giảm xuống dưới vùng giá này, có lẽ hỗ trợ tiếp theo sẽ nằm tại mốc 1,720 điểm



STT	Nhóm ngành	PE	PB
1	Dầu khí	12.25	1.73
2	Nguyên vật liệu	12.23	1.45
3	Công nghiệp	12.42	1.70
4	Hàng Tiêu dùng	13.30	2.23
5	Dược phẩm và Y tế	15.34	1.50
6	Dịch vụ Tiêu dùng	18.89	3.46
7	Viễn thông	20.31	5.24
8	Tiện ích Cộng đồng	11.99	1.69
9	Tài chính	20.78	2.87
10	Ngân hàng	9.24	1.50
11	Công nghệ Thông tin	12.83	2.54

2.

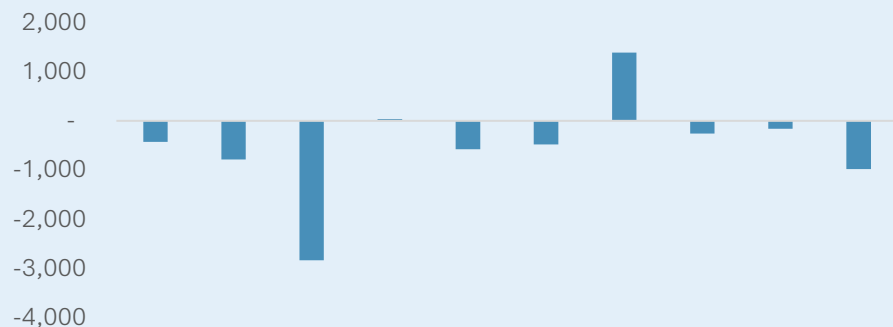
Hiệu suất cổ phiếu theo ngành

Ngân hàng		Bất động sản		Chứng khoán		Thực phẩm		Xây dựng		Nguyên liệu CB		Tiện ích		Hóa chất	
ACB	1.09%	KBC	0.35%	CTS	0.55%	FMC	1.17%	BMP	1.72%	ACG	4.01%	PGD	1.15%	CSV	2.20%
MSB	0.62%	VPI	0.00%	DSE	0.22%	SBT	0.48%	PC1	1.17%	HSG	0.87%	SHP	0.31%	VFG	0.00%
VCB	0.00%	CRE	0.00%	HCM	-0.37%	VNM	0.36%	VCG	0.85%	NKG	0.00%	REE	0.11%	DGC	-1.21%
LPB	0.00%	SJS	-0.41%	EVF	-1.17%	VCF	0.03%	HHV	-1.41%	DHC	-0.16%	GEG	0.00%	GVR	-1.31%
EIB	-0.26%	QCG	-0.44%	TVS	-1.65%	BHN	0.00%	HTI	-1.57%	HPG	-0.44%	CHP	0.00%	PHR	-1.59%
NAB	-0.38%	HDG	-0.78%	VDS	-2.41%	DBC	-0.29%	VGC	-1.89%	PTB	-1.54%	VSH	-0.12%	AAA	-1.79%
SSB	-0.63%	DXG	-0.81%	VND	-2.54%	HAG	-0.34%	CTD	-2.07%			PGV	-0.21%	DCM	-2.08%
STB	-0.85%	VIC	-0.91%	AGR	-2.73%	KDC	-0.40%	CTR	-3.45%			NT2	-0.23%	DPR	-2.09%
TPB	-1.29%	SIP	-1.01%	DSC	-2.87%	MSN	-0.58%	CII	-4.24%			TMP	-0.33%	DPM	-3.28%
CTG	-1.38%	SZC	-1.21%	SSI	-3.33%	BAF	-0.67%					BWE	-0.66%		
SHB	-1.56%	PDR	-1.44%	VCI	-4.27%	ASM	-0.97%					PPC	-1.09%		
HDB	-1.68%	NLG	-1.58%			VHC	-1.05%					GAS	-1.15%		
OCB	-1.83%	IJC	-1.84%			MCM	-1.57%					POW	-1.42%		
BID	-1.86%	KDH	-2.01%			SAB	-1.60%					TDM	-5.23%		
VIB	-1.90%	HDC	-2.44%			PAN	-1.62%								
TCB	-2.17%	TCH	-2.80%			ANV	-2.39%								
MBB	-2.44%	NVL	-2.87%												
VPB	-2.64%	DXS	-3.06%												
		VRE	-3.13%												
		VHM	-3.41%												
		BCM	-4.14%												
		DIG	-4.76%												
		KOS	-5.26%												

3.

Giao dịch khối ngoại

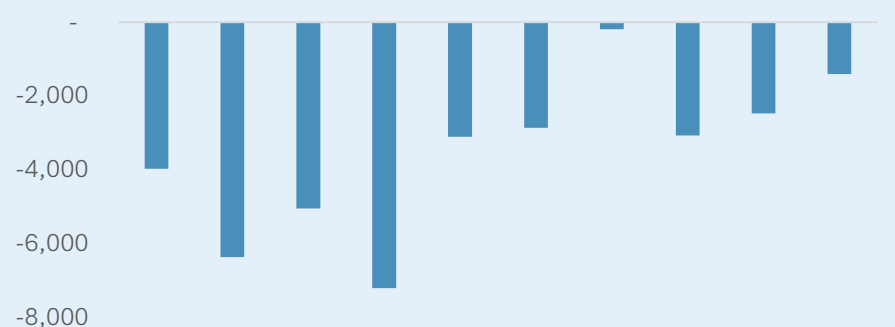
Giao dịch khối ngoại - 10 ngày



Top mua ròng

STT	Mã	Sàn	Giá trị mua	Giá trị bán	Giá trị ròng
1	HPG	HOSE	175.58	36.57	139.01
2	BMP	HOSE	41.67	1.58	40.09
3	STB	HOSE	50.06	15.11	34.94
4	MSN	HOSE	68.44	40.81	27.63
5	VNM	HOSE	43.56	16.29	27.27
6	HVN	HOSE	14.96	0.85	14.11
7	VCG	HOSE	17.92	5.44	12.48
8	MSB	HOSE	34.22	23.55	10.67
9	E1VFN30	HOSE	9.76	1.04	8.72
10	LPB	HOSE	13.88	5.33	8.55
11	VCB	HOSE	37.88	29.86	8.02
12	DXG	HOSE	22.68	14.81	7.87
13	GAS	HOSE	18.26	10.39	7.86
14	HSG	HOSE	7.69	0.42	7.27
15	GVR	HOSE	7.80	0.79	7.00

Giao dịch khối ngoại - 10 tuần



Top bán ròng

STT	Mã	Sàn	Giá trị mua	Giá trị bán	Giá trị ròng
1	FPT	HOSE	22.38	368.43	- 346.05
2	PNJ	HOSE	86.98	194.99	- 108.01
3	SSI	HOSE	22.89	94.64	- 71.75
4	VIC	HOSE	117.52	185.51	- 67.99
5	TCB	HOSE	21.20	86.22	- 65.02
6	VHM	HOSE	118.10	174.95	- 56.85
7	CTG	HOSE	4.77	60.68	- 55.91
8	VPB	HOSE	6.38	60.88	- 54.50
9	BSR	HOSE	12.30	58.90	- 46.60
10	TPB	HOSE	0.78	44.13	- 43.34
11	VIX	HOSE	20.81	63.40	- 42.60
12	MBB	HOSE	32.40	74.82	- 42.42
13	PVD	HOSE	20.02	58.42	- 38.40
14	BID	HOSE	0.94	26.90	- 25.97
15	VCI	HOSE	1.13	26.99	- 25.86

4.

Cập nhật vĩ mô

	Gần nhất	1D	1W	YTD
Giá dầu Brent (USD/thùng)	84.73	1.72%	14.25%	39.24%
Giá dầu WTI (USD/thùng)	79.85	2.19%	13.36%	39.06%
Giá vàng thế giới (USD/ounce)	4,053.05	1.28%	-1.32%	-6.30%
Tỷ giá trung tâm (USD/VND)	25,233	0.03%	0.11%	0.45%
Tỷ giá bán Vietcombank (USD/VND)	26,450	0.00%	-0.06%	0.28%
Tỷ giá bán TT tự do (USD/VND)	26,420	-0.11%	0.00%	-1.49%
Lãi suất qua đêm – Liên ngân hàng	4.20%	0.01%	-1.64%	2.43%
Lợi suất trái phiếu chính phủ 1 năm	3.54%	0.00%	0.00%	0.47%
Lợi suất trái phiếu chính phủ 3 năm	3.72%	0.00%	-0.01%	0.54%

Lạm phát Mỹ hạ nhiệt mạnh hơn dự báo, CPI tháng 6 giảm sâu nhất hơn 6 năm

Theo báo cáo của Cục Thống kê Lao động Mỹ (BLS) công bố ngày 14/07, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) thấp hơn dự báo trên mọi phương diện. CPI giảm 0.4% so với tháng trước sau điều chỉnh theo mùa, đưa lạm phát hàng năm xuống 3.5%.

Lạm phát lõi, không bao gồm giá thực phẩm và năng lượng, đi ngang so với tháng trước, đưa mức tăng trong 12 tháng xuống 2.6%.

5.

Bản tin doanh nghiệp



MWG: Thế giới Di động đạt hơn 95.300 tỷ đồng doanh thu sau 6 tháng

Kết thúc 6 tháng đầu năm 2026, CTCP Thế giới Di động (MWG) đạt 95.305 tỷ đồng doanh thu, tăng hơn 29% so với cùng kỳ năm trước và hoàn thành khoảng 52% kế hoạch doanh thu cả năm là 185.000 tỷ đồng.

Doanh thu của CTCP Đầu tư Điện Máy Xanh đạt gần 65.100 tỷ đồng trong nửa đầu năm, tăng 31% so với cùng kỳ.

Ở mảng bán lẻ thực phẩm, Bách Hóa Xanh ghi nhận doanh thu lũy kế 6 tháng đạt 28.300 tỷ đồng, tăng 25% so với cùng kỳ.



TPB: TPBank báo lãi hơn 4.668 tỷ đồng sau 6 tháng đầu năm 2026

Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPBank, TPB) ghi nhận lợi nhuận trước thuế hơn 4.668 tỷ đồng trong 6 tháng đầu năm 2026, hoàn thành gần một nửa mục tiêu năm, chất lượng tài sản tiếp tục được kiểm soát. Tính đến ngày 30/6/2026, dư nợ tín dụng của TPBank tăng 9,62% so với đầu năm, tỷ lệ nợ xấu (NPL) được duy trì dưới 1,5%. Bên cạnh đó, cơ cấu nguồn thu của ngân hàng tiếp tục có sự dịch chuyển khi các mảng dịch vụ và ngân hàng số được đẩy mạnh.

Như vậy, TPBank đã hoàn thành khoảng 45% kế hoạch lợi nhuận năm 2026



SSI: SSI thông qua kế hoạch phát hành hơn 500 triệu cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI (SSI) công bố nghị quyết thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Theo đó, SSI dự kiến phát hành 500,2 triệu cổ phiếu thưởng cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 5:1. Giá trị phát hành theo mệnh giá hơn 5.002 tỷ đồng. Nguồn vốn phát hành lấy từ thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Sau phát hành, vốn điều lệ SSI sẽ tăng từ khoảng 25.011 tỷ đồng lên hơn 30.013 tỷ đồng, trở lại vị trí công ty chứng khoán có quy mô vốn lớn nhất thị trường

6.

Lịch sự kiện

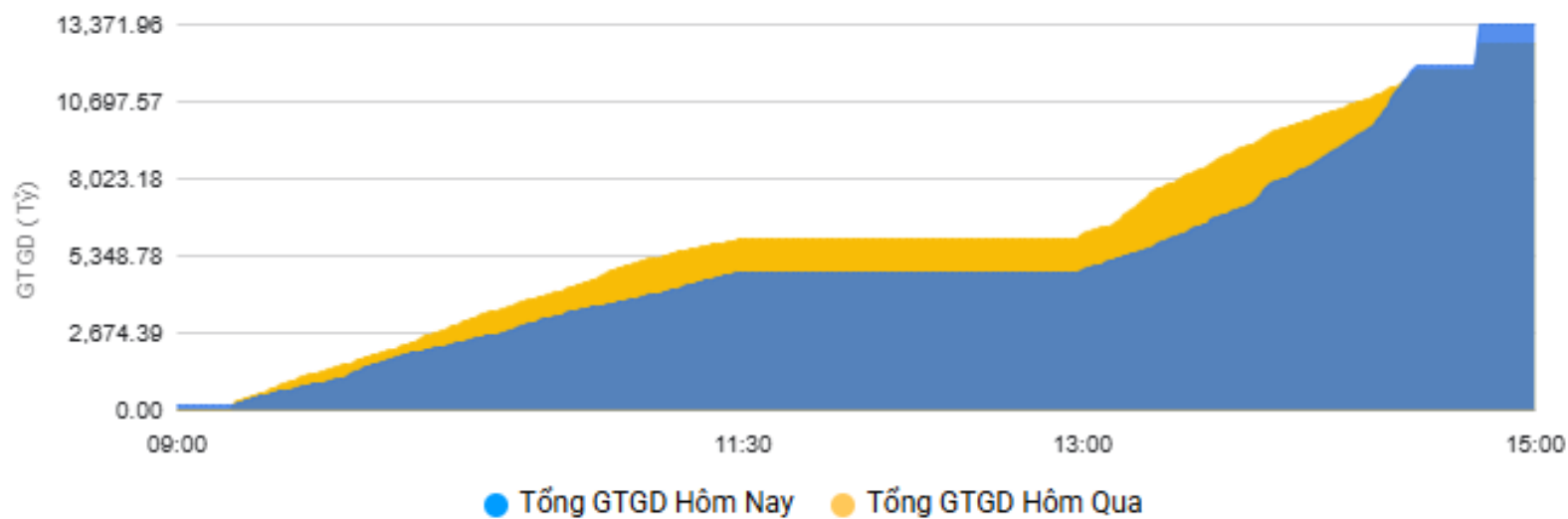
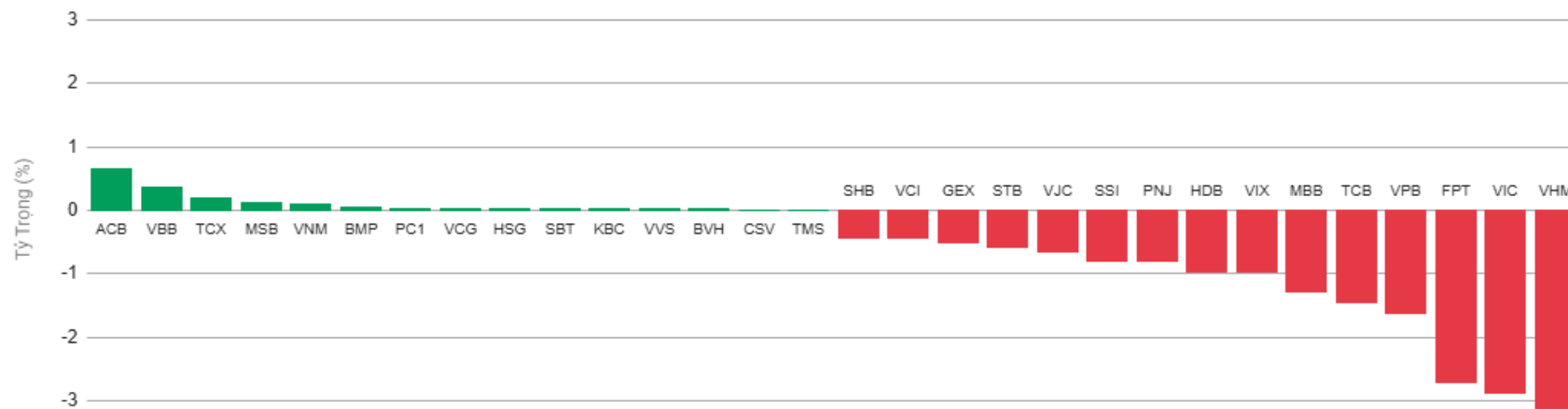
Mã	Ngày GDKHQ	Ngày thực hiện	Sự kiện	Tỷ lệ thực hiện	Giá trị
A32	16/07/2026	12/08/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	15%	1,500
HTG	16/07/2026		Phát hành cổ phiếu	20%	
HCM	16/07/2026		Phát hành cổ phiếu	4:1	10,000
DOP	16/07/2026	03/08/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	14%	1,400
HCM	16/07/2026	12/08/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	4%	400
HTG	16/07/2026	31/07/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	5%	500
LDW	16/07/2026	31/07/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	6.12%	612
SGH	16/07/2026	30/07/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	11%	1,100
TKU	16/07/2026	31/07/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	5%	500
VLB	16/07/2026	12/08/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	19%	1,900
BID	17/07/2026	20/08/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	4.5%	450
CLX	17/07/2026	20/08/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	7.5%	750
ISH	17/07/2026	31/08/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	15%	1,500
QCC	17/07/2026	29/07/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	6%	600
QNW	17/07/2026	14/08/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	12.9%	1,290
TID	17/07/2026	31/07/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	12%	1,200
XLV	17/07/2026	30/07/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	15%	1,500

7.

Số liệu thị trường

NHÓM ẢNH HƯỞNG MẠNH TỚI CHỈ SỐ

BIỂU ĐỒ PHÂN TÂN



● Tổng GTGD Hôm Nay ● Tổng GTGD Hôm Qua

8.

Khuyến nghị của NHSV Research

CPPVT	Ngày đánh giá lần đầu	Ngày định giá lại gần nhất	Giá mục tiêu (sau điều chỉnh)	Giá hiện tại (15/07/2026)	%	Báo cáo lần đầu	Báo cáo cập nhật gần nhất
VPB	20/5/2024	09/04/2026	32,381	25,800	25.5%	Link	Link
TPB	1/7/2024	23/03/2026	23,493	15,300	53.5%	Link	Link
TCB	12/8/2024	25/03/2026	36,300	31,500	15.2%	Link	Link
MBB	29/8/2024	27/3/2026	30,380	23,950	26.8%	Link	Link
ACB	23/9/2024	20/03/2026	24,823	23,100	7.5%	Link	Link
HDB	15/10/2024	1/4/2026	32,191	26,350	22.2%	Link	Link
CTG	28/11/2024	27/03/2026	40,200	32,150	25.0%	Link	Link
VCB	24/2/2025	11/3/2026	72,000	59,200	21.6%	Link	Link
BID	20/3/2025	17/3/2026	47,720	39,500	20.8%	Link	Link
STB	14/5/2025	31/03/2026	58,700	69,800	-15.9%	Link	Link
HPG	13/01/2025	9/2/2026	30,636	22,400	36.8%	Link	Link
HSG	14/02/2025	4/3/2026	12,420	11,650	6.6%	Link	Link
NKG	7/3/2025	12/2/2026	14,500	11,800	22.9%	Link	Link
VSC	18/06/2025	6/3/2026	27,450	15,000	83.0%	Link	Link
HAH	31/3/2025	5/3/2026	59,455	47,600	24.9%	Link	Link
PVT	17/7/2025	10/3/2026	27,045	18,700	44.6%	Link	Link

8.

Khuyến nghị của NHSV Research

CPPVT	Ngày đánh giá lần đầu	Ngày định giá lại gần nhất	Giá mục tiêu (sau điều chỉnh)	Giá hiện tại (15/07/2026)	%	Báo cáo lần đầu	Báo cáo cập nhật gần nhất
NLG	30/9/2024	02/06/2026	40,400	24,900	62.2%	Link	Link
KDH	23/10/2024	20/11/2025	42,000	19,500	115.4%	Link	Link
DXG	15/11/2024	4/12/2025	18,246	12,200	49.6%	Link	Link
DXS	15/1/2025	4/12/2025	12,000	6,960	72.4%	Link	Link
KBC	22/1/2025	27/11/2025	40,500	18,600	117.7%	Link	Link
BCM	4/8/2024	15/12/2025	83,000	45,100	84.0%	Link	Link
VRE	21/3/2025	7/11/2025	30,000	24,800	21.0%	Link	Link
VHM	29/4/2025	5/11/2025	81,200	136,000	-40.3%	Link	Link
HDC	5/6/2025	30/01/2026	21,043	14,000	50.3%	Link	Link
PDR	30/6/2025	19/03/2026	18,600	13,700	35.8%	Link	Link
FRT	5/2/2026	05/02/2026	170,000	113,000	50.4%	Link	Link
MWG	13/2/2026	13/2/2026	107,500	76,200	41.1%	Link	Link
PVD	3/03/2026	3/3/2026	24,270	19,650	23.5%	Link	Link
DGW	23/04/2026	23/04/2026	49,000	37,800	29.6%	Link	Link

8.

Khuyến nghị của NHSV Research

CPPVT	Ngày đánh giá lần đầu	Ngày định giá lại gần nhất	Giá mục tiêu (sau điều chỉnh)	Giá hiện tại (15/07/2026)	%	Báo cáo lần đầu	Báo cáo cập nhật gần nhất
VNM	28/05/2026	28/05/2026	75,000	56,200	33.5%		Link
ANV	05/06/2026	05/06/2026	31,000	18,350	68.9%		Link
VHC	05/06/2026	05/06/2026	75,000	56,800	32.0%		Link
PHR	05/06/2026	05/06/2026	84,000	61,900	35.7%		Link
FMC	12/06/2026	12/06/2026	45,000	34,700	29.7%		Link
REE	12/06/2026	12/06/2026	62,000	46,200	34.2%		Link
DPG	12/06/2026	12/06/2026	45,000	31,900	41.1%		Link
SIP	18/06/2026	18/06/2026	74,000	49,000	51.0%		Link
IDC	19/06/2026	19/06/2026	60,000	37,700	59.2%		Link
PHP	26/06/2026	26/06/2026	59,000	37,500	57.3%		Link

Trụ sở chính

Tầng 9, tòa tháp Đông, Lotte Center Hà Nội, số 54 Liễu Giai, phường Giảng Võ, Hà Nội

Hotline: 1900.1055

Chi nhánh Hà Nội

Tầng trệt tòa Somerset Grand Hanoi & Phòng 505, tầng 5 Tòa Tháp Hà Nội, số 49 Hai Bà Trưng, phường Cửa Nam, Hà Nội

Hotline: 1900.1055

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, tòa nhà President Place, Số 93 Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP HCM

Hotline: 0283.838.5917

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH

Báo cáo này thuộc sở hữu của NHSV. Mọi hành vi sao chép, in ấn khi không có sự cho phép của NHSV đều bị nghiêm cấm. Báo cáo này không nên được coi là một lời đề nghị giao dịch mua bán bất kỳ cổ phiếu nào. Mặc dù những thông tin, dự báo và nhận định trong báo cáo này được dựa trên các nguồn thông tin đáng tin cậy, NHSV không thể khẳng định sự chính xác và hoàn thiện của các nguồn thông tin này. NHSV sẽ không chịu trách nhiệm trước bất kỳ thiệt hại, mất mát nào đến từ việc sử dụng bất kỳ thông tin, nhận định nào đến từ báo cáo này.

